Bộ phiếu bài tập ôn ở nhà Toán lớp 1 có đáp án

Phiếu bài tập ôn ở nhà lớp 1 - Số 1

Phần I: Toán

1. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng:

a. 3 + 6 = …. Số được điền vào chỗ … là:

A. 9 B. 8

C. 7 D. 6

b. Trong dãy số từ 1 đến 10 số lớn nhất là:

A. 0 B. 9

C. 10 D. 5

c. Số liền sau số 9 là số:

A. 6 B. 8

C. 9 D. 10

2. Tính:

6 + 2 =

9 - 4 =

4 + 6 =

7 - 7 =

3. Tính:

6 + 3 – 9 = ……

10 – 7 + 2 = ……

4. Các số 5 ; 9 ; 4 ; 10 ; 1 được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

……,……,……,……,……

5. Viết phép tính thích hợp :

VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Có : 10 nhãn vở

Cho : 8 nhãn vở

Còn lại : …nhãn vở?

6. Trong hình bên có đoạn thẳng:

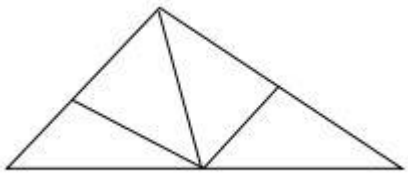

Đáp án:

1. a. A; b. C; c. D

2. Tính

6	9	4	7
+ 2	- 4	+ 6	- 7
8	5	10	0

3. 6 + 3 – 9 = 0

10 – 7 + 2 = 5

4. Các số 5 ; 9 ; 4 ; 10 ; 1 được xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

10, 9, 5, 4, 1

5. 10 - 2 = 8

6. Có 12 đoạn thẳng

Phiếu bài tập ôn ở nhà lớp 1 - Số 2

Phần I. Trắc nghiệm

1. Kết quả của 2 + 6 là:

A. 10 **B.** 9 **C.** 8 **D.** 7

2. Số bé nhất trong các số 8, 1, 4, 10, 5 là:

A. 1 **B.** 8 **C.** 5 **D.** 10

3. Hình vẽ bên có mấy hình tam giác ?

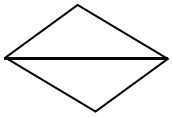

A. 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.**4

4. Kết quả của 10 – 5 + 2 là:

A. 10 **B.** 9 **C.** 8 **D.** 7

II. TỰ LUẬN:

1.Tính:

6	10	8	9
+ 0	- 5	+ 2	- 7
.....	.....	.....	.....

2. Các số 4, 10, 8, 7, 0 được xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

....., ..., ..., ..., ...

3. **Đúng ghi Đ, Sai ghi S:**

A, 2 + 6 = 8 ☐ B, 2 + 3 > 5 ☐

Đáp án:

I. Trắc nghiệm

1. C

2. A

3. B

4. D

II. Tự luận

Bài 1:

+ 6	- 10	+ 8	- 9
0	5	2	7
6	**5**	**10**	**2**

Bài 2:

0 , 4 , 7, 8 , 10

Bài 3:

a, Đ; b. S

Phiếu bài tập ôn ở nhà lớp 1 - Số 3

Phần I. Trắc nghiệm

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng:

1. Kết quả của 1 + 6 là:

A. 10 **B.** 9 **C.** 8 **D.** 7

2. Số lớn nhất trong các số 8, 1, 4, 10, 5 là:

A. 1 **B.** 8 **C.** 5 **D.** 10

3. Hình vẽ bên có mấy hình tam giác ? 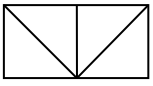

A. 1 **B.** 2 **C.** 5

D.8

4. Kết quả của 10 – 5 + 3 là:

A. 7 **B.** 8 **C.** 9 **D.** 10

II. TỰ LUẬN:

1. Tính:

9 – 5 + 3 = …… 6 + 3 – 5 =…….. 10 – 3 – 2 = …….

4 + 2 + 1 =……

2. Viết phép tính thích hợp vào ô trống:

Có : 6 viên bi

Thêm : 4 viên bi

Có tất cả : …….. viên bi?

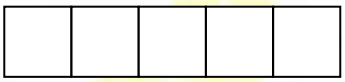

Đáp án:

I. TRẮC NGHIỆM:

Khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng:

1. D

2. D

3. C

4. B

II. TỰ LUẬN:

1. Tính:

9 – 5 + 3 = **7** 6 + 3 – 5 = **4** 10 – 3 – 2 = **5**

4 + 2 + 1 = **7**

3. Viết phép tính thích hợp vào ô trống:

6 + 4 = 10

Phiếu bài tập ôn ở nhà lớp 1 - Số 4

Phần I. Trắc nghiệm

1. Tính:

+ 6	+ 2	- 10	- 9	+ 0	- 8	+ 7	- 10
3	5	6	2	7	3	3	5
.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....	.....

2. Tính:

6 + 3 - 5 = ……..... 10 - 4 - 0 = ……..... 9 - 4 + 3 = ……..... 3 + 2 + 4 = ……..

3. Viết phép tính thích hợp vào ô trống

a. Có: 8 quả trứng

Bớt: 2 quả trứng

Còn: … quả trứng?

b. Có: 5 viên bi

Thêm: 4 viên bi

Có tất cả: … viên bi?

4. Cho hình vẽ:

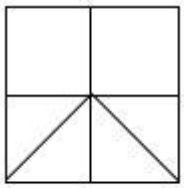

Trong hình vẽ bên,

- có ..... hình vuông

- có ..... hình tam giác.

Đáp án:

VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

1. Tự tính

2. Tính:

6 + 3 - 5 = …4..... 10 - 4 - 0 = …6..... 9 - 4 + 3 = …8..... 3 + 2 + 4 = …9....

3.

a.

Có: 8 quả trứng

Bớt: 2 quả trứng

Còn: … quả trứng?

8	-	2	=	6

b.

Có: 5 viên bi

Thêm: 4 viên bi

Có tất cả: … viên bi?

5	+	4	=	9

4. Trong hình vẽ bên,

- có ....5.... hình vuông

- có ....5.... hình tam giác.

Phiếu bài tập ôn ở nhà lớp 1 - Số 5

Bài 1. Tính:

5 + 5 = ….	9 + 1 = …	10 – 2 = …	7 + 3 – 8 = …
6 + 3 = ….	1 + 9 = ...	10 – 3 =….	6 + 1 + 3 = ...
4 + 5 = ….	3 + 7 = …	10 – 4 = ….	10 – 7 + 3 = …

Bài 2. Viết các số: 6, 8, 3, 1, 10, 5.

a, Theo thứ tự từ bé đến lớn: .....

b, Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....

Bài 3. Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm?

10 - 2 .... 8 + 1

8 + 2 .... 8 - 2

6 + 3 .... 9 - 0

10 + 0 .... 8 + 2

7 + 3 .... 5 + 3

10 - 5 .... 10 - 3

Bài 4. Điền dấu + hoặc – vào chỗ chấm.

3 .... 5 ... 4 = 4 9 .... 1 .... 5 = 5

10 ... 6 .... 2 = 6 7 .... 3 .... 8 = 2

5 .... 4 .... 6 = 3 10 ... 8 .... 5 = 7

Bài 5 . Viết phép tính thích hợp.

a) Có : 6 viên bi

Thêm : 3 viên bi

Có tất cả : .... viên bi ?

b) Có : 10 quả bóng

Cho : 5 quả bóng

Còn lại : ..... quả bóng ?

Đáp án

Bài 1. Tính:

5 + 5 = 10 9 + 1 = 10 10 – 2 = 8 7 + 3 – 8 = 2

6 + 3 = 9 1 + 9 = 10 10 – 3 = 7 6 + 1 + 3 = 10

VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

4 + 5 = 9 3 + 7 = 10 10 – 4 = 6 10 – 7 + 3 = 6

Bài 2. Viết các số: 6, 8, 3, 1, 10, 5.

a, Theo thứ tự từ bé đến lớn: ....1, 3, 5, 6, 8, 10.....

b, Theo thứ tự từ lớn đến bé: .....10, 8, 6, 5, 3,1 .....

Bài 3. Điền dấu <, >, = vào chỗ chấm?

10 - 2 < 8 + 1

8 + 2 > 8 - 2

6 + 3 = 9 - 0

10 + 0 = 8 + 2

7 + 3 > 5 + 3

10 - 5 < 10 - 3

Bài 4. Điền dấu + hoặc – vào chỗ chấm.

3 ..+.. 5 ..-.. 4 = 4 9 ..+.. 1 ..-.. 5 = 5

10 ..-.. 6 ..+.. 2 = 6 7 ..+.. 3 ..-.. 8 = 2

5 ..+.. 4 ..-.. 6 = 3 10 ..-.. 8 ..+.. 5 = 7

Bài 5. Viết phép tính thích hợp.

a) Có : 6 viên bi
Thêm : 3 viên bi
Có tất cả : .... viên bi ?

b) Có : 10 quả bóng
Cho : 5 quả bóng
Còn lai : ..... quả bóng ?

6	+	3	=	9

10	-	5	=	5

VnDoc - Tải tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí

Phiếu bài tập ôn ở nhà lớp 1 - Số 6

A. **Phần trắc nghiệm:**

Em hãy khoanh tròn vào chữ đặt trước kết quả đúng:

1. Số **mười bảy** được viết là:

A.15 B.16 C. 107

D. 17

2. Số 16 gồm 1 chục và:

A. 4 đơn vị B. 6 đơn vị C. 5 đơn vị

D. 7 đơn vị

3. Số điền vào ô trống trong phép tính $\square + 3 = 16$:

A. 14 B. 13

C. 10 D. 12

4. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: 12 + 3 ..... 10 + 7

A. > B. =

C. <

B. Phần tự luận:

1. Đặt tính rồi tính:

13 + 4 17 - 5 19 – 6

16 - 3 17 - 4

2. Tính:

15 + 2 + 0 = ...

16 + 0 + 2 = ...

11 + 3 – 4 = ...

18 – 8 + 7 = ...

19 – 5 – 2 = ...

17– 4 – 3 = ...

3. Điền :>,<, =?

13……..18

19- 3……17

20- 15 + 3 …… 18 – 8

20……..17

10+1…...11

17 - 2 …… 3 + 2

4. Hình bên có:

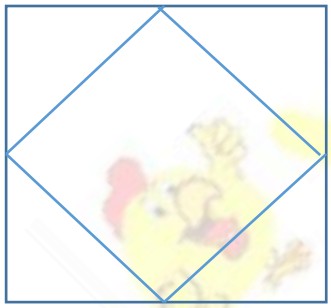

- Có ..... hình tam giác

- Có ..... hình vuông

Đáp án:

A.Phần trắc nghiệm

1. D. 17

2. B. 6 đơn vị

3. B. 13

4. C. <

B. Phần tự luận:

1. HS tự tính

2. Tính:

15 + 2 + 0 = 17

16 + 0 + 2 = 18

11 + 3 – 4 = 18

18 – 8 + 7 = 17

19 – 5 – 2 = 12

17– 4 – 3 = 10

3. Điền: >,<, =?

13 < 18 19- 3 < 17 15 + 3 > 18 – 8

20 > 17 10+1 = 11 17 - 2 > 3 + 2

4. Hình bên có:

- Có 4 hình tam giác

- Có 2 hình vuông.

Tham khảo thêm: https://vndoc.com/bai-tap-o-nha-lop-1